

Số: 145./QĐ-LHH

Tây Ninh, ngày 08. tháng 10. năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh và Thông báo số 194/TB-STC ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Sở Tài chính về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của Văn phòng Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tây Ninh,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tây Ninh (theo các biểu đính kèm)

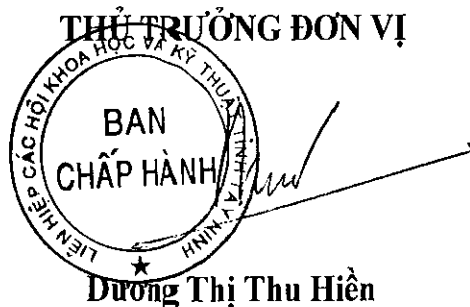
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng và các Ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



BAN  
CHẤP HÀNH

Dương Thị Thu Hiền



Đơn vị: Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Tỉnh Tây  
Ninh  
Chương: 516

**Biểu số 4**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC  
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

## QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Năm 2019

(Kèm theo) Quyết định số 15/QĐ-LHTT ngày 08/10/2019 của LHTT  
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
<b>I</b>	<b>Quyết toán thu</b>					
<b>A</b>	<b>Tổng số thu</b>					
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp khác					
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>					
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp .....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
<b>C</b>	<b>Số thu nộp NSNN</b>					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
<b>II</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>979</b>	<b>979</b>	<b>614</b>	<b>34</b>	
1	Chi quản lý hành chính	802	802	612	34	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	802	802	612	34	
2	Nghiên cứu khoa học	114	114			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	114	114			

Đơn vị: Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Tỉnh Tây Ninh

Chương: 516

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quý lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội	2	2	2		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2	2	2		
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	21	21			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	21	21			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu	40	40			
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	40	40			
	<i>0405 - Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới</i>	40	40			
11.2	Chi Chương trình mục tiêu					